

Số: 913 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 3 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Như Thanh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận Danh mục dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2018;

Căn cứ Công văn số 5630/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Như Thanh tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 05/01/2018;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 258/TTr-STNMT ngày 02/3/2018, kèm theo Báo cáo thẩm định số 46/BC-STNMT ngày 02/3/2018 về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Như Thanh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018, huyện Như Thanh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
Tổng diện tích			58.809,33
1	Đất nông nghiệp	NNP	48.365,54
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.065,82
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.377,97

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>222,86</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	25,91
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	25,91
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	73,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	6,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	112,62
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,54
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>0,00</b>

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>Tổng cộng</b>			<b>24,07</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	21,53
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2,54

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
<b>Tổng cộng</b>			<b>0,67</b>
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,67

(Có phụ biểu chi tiết số 04 kèm theo)

5. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2018: Chi tiết theo phụ biểu số 05 đính kèm.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định của UBND tỉnh; thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Như Thanh để tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng tự nhiên theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

## 2. Ủy ban nhân dân huyện Như Thanh

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và nội dung, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng hoặc đất có rừng tự nhiên để báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; đồng thời cân đối, huy động các nguồn lực để thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả của kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### *Nơi nhận:*

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.  
(MC54.3.18)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền







**KE HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2018  
CỦA HUYỆN NHƯ THẠNH**

(Kèm theo Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Thị trấn Bến Sung	Xã Mậu Lâm	Xã Phú Nhuận	Xã Hải Long	Xã Xuân Thái	Xã Phúc Đường
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + .. + (...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>							
1.1	Đất trồng lúa	LUA							
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK							
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN							
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS							
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH							
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,67</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>	<b>0,16</b>	<b>0,01</b>	<b>0,39</b>	<b>0,07</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP							
2.2	Đất an ninh	CAN							
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT							
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD							
2.7	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC							
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,07						0,07
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,02	0,020					
2.13	Đất ở nông thôn	ONT	0,42			0,16	0,01	0,25	
2.14	Đất ở đô thị	ODT							
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,02		0,02				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng trụ sở ngoại giao	SNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD							
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,14					0,14	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON							
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018  
CỦA HUYỆN NHƯ THANH**

(Kèm theo Quyết định số : 913 /QĐ-UBND ngày 14 /13 /2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>A</b>	<b>Công trình, dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án Khu dân cư đô thị</b>	<b>0,55</b>	
1	Dự án đấu giá đất ở mới Khu phố Hải Tiến	0,20	TT Bến Sung
2	Dự án đấu giá đất ở mới (khu bệnh viện cũ) Khu phố 3	0,32	TT Bến Sung
<b>II</b>	<b>Dự án Khu dân cư nông thôn</b>	<b>12,10</b>	
1	Đấu giá QSD đất ở nông thôn Cây Nghĩa	0,50	Xuân Thái
2	Đấu giá QSD đất ở nông thôn Đồng Lườn	0,15	Xuân Thái
3	Đấu giá QSD đất ở nông thôn Cây Nghĩa	0,10	Xuân Thái
4	Đấu giá QSD đất ở Bàn mó 1	0,35	Xuân Thọ
5	Đấu giá QSD đất ở Bàn mó 2	0,10	Xuân Thọ
6	Đấu giá QSD đất ở thôn 10	0,05	Cán Khê
7	Đấu giá QSD đất tại thôn Đồng Sinh	0,20	Phú Nhuận
8	Đấu giá QSD đất tại thôn Thanh Sơn	0,62	Phú Nhuận
9	Đấu giá QSD đất tại thôn Bồng Sơn	0,14	Phú Nhuận
10	Đấu giá QSD đất tại thôn Bồng Thượng	0,30	Phú Nhuận
11	Đấu giá QSD đất tại thôn Bái Đa I	0,42	Phượng Nghi
12	Đấu giá QSD đất tại thôn Đồng Thung	0,28	Phượng Nghi
13	Đấu giá QSD đất tại thôn Tiên Tiến	0,45	Thanh Tân
14	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Đồng Yên	0,28	Yên Lạc
15	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Đồng Trung	0,06	Yên Lạc
16	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Ba Cồn	0,16	Yên Lạc
17	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Ba Cồn	0,03	Yên Lạc
18	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Tân Tiến	0,30	Yên Lạc
19	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Tân Tiến	0,16	Yên Lạc
20	Dự án khu dân cư thôn Vĩnh Lợi (Đá Phai)	0,20	Hải Long
21	Dự án khu dân cư thôn Vĩnh Lợi (Na Noóc - Giáp đất ông Hùng Thủy)	0,33	Hải Long
22	Dự án khu dân cư thôn Hải Tân (Khu Đập tràn - Giáp đường vành đai phía tây TT)	0,32	Hải Long
23	Dự án khu dân cư thôn Hải Tân (Khu Đập tràn - Giáp đường vành đai phía tây TT)	0,01	Hải Long
24	Dự án khu dân cư thôn Hải Tân (Khu Đập tràn - Giáp đường vành đai phía tây TT)	0,01	Hải Long
25	Đấu giá QSD đất tại thôn Xuân Hòa	0,40	Xuân Khang



STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
26	Đất giá QSD đất tại thôn Xuân Hưng	0,63	Xuân Khang
27	Đất giá QSD đất tại thôn Đồng Hôn	0,20	Xuân Khang
28	Đất giá QSD đất tại thôn Xuân Tiên	0,05	Xuân Khang
29	Đất giá QSD đất tại thôn Đồng Hôn	0,07	Xuân Khang
30	Đất giá QSD đất tại thôn Xuân Lộc	0,31	Xuân Khang
31	Quy hoạch đấu giá QSD đất khu dân cư thôn 2	0,22	Phúc Đường
32	Đấu giá QSD đất ở thôn Quần Thọ	0,32	Yên Thọ
33	Đấu giá QSD đất ở thôn Minh Thịnh	0,41	Yên Thọ
34	Đấu giá QSD đất ở tại thôn Kim Sơn	0,52	Hải Vân
35	Cấp đất ở dân cư	0,18	Thanh Kỳ
36	Đấu giá QSD đất khu Đồng Ron 2 thôn Đồng Nghiêm	0,52	Mậu lâm
37	Đấu giá QSD đất khu chợ chiều Đồng Mộc	1,00	Mậu lâm
38	Đấu giá QSD đất khu đối diện NVH thôn Cầu Hồ	0,37	Mậu lâm
39	Đấu giá QSD đất thôn Tâm Tiên	0,30	Mậu lâm
40	Đấu giá QSD đất khu Đồng Ron 1 thôn Đồng Nghiêm	0,49	Mậu lâm
41	Đấu giá đất ở thôn 8	0,35	Xuân Phúc
42	Đấu giá đất ở thôn 4	0,24	Xuân Phúc
43	Khu xen cư tái định cư Đồi Dẻ	0,14	Hải Vân
44	Chuyển mục đích từ đất đất ở	0,04	Hải Vân
45	Khu xen cư thôn 2,6,8	0,90	Cán Khê
<b>III</b>	<b>Dự án Trụ sở cơ quan</b>	<b>0,55</b>	
1	Dự án mở rộng trụ sở UBND xã	0,40	Thanh Tân
2	Mở rộng khuôn viên khu trung tâm hành chính xã	0,15	Mậu lâm
<b>IV</b>	<b>Công trình giao thông</b>	<b>2,85</b>	
1	Xây dựng Bến xe Như Thanh	1,60	TT Bến Sung
2	Mở rộng đường nội thị	0,05	TT Bến Sung
3	Đường giao thông Thanh Tân đi Yên Lạc (nối QL45 với đường tỉnh 505)	1,20	Thanh Tân
<b>V</b>	<b>Công trình văn hóa</b>	<b>0,90</b>	
1	Dự án xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ	0,08	Phúc Đường
2	Xây dựng trung tâm Văn hoá – Thể thao xã	0,55	Thanh Kỳ
3	Xây dựng Trung tâm văn hoá xã	0,18	Xuân Phúc
4	Xây dựng Đài tưởng niệm liệt sỹ	0,09	Mậu lâm
<b>VI</b>	<b>Dự án cơ sở giáo dục</b>	<b>2,89</b>	
1	Xây dựng trường mầm non Ao Ràng	0,25	Xuân Thái
2	Mở rộng trường Mầm Non thôn Trung Tiên	0,40	Thanh Tân
3	Mở rộng trường THPT, trường cơ sở ( Khu bán trú)	0,35	Thanh Tân
4	Xây dựng trường Mầm non khu lế tại thôn Tân Long	0,18	Yên Lạc

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
5	Mở rộng trường Mầm Non Xuân Hưng	0,70	Xuân Khang
6	Dự án mở rộng trường mầm non xã	0,39	Phúc Đường
7	Mở rộng trường Mầm non thị trấn	0,24	TT Bến Sung
8	Mở rộng khuôn viên trường tiểu học 2 xã Yên Thọ	0,30	Yên Thọ
9	Mở rộng Trường Mầm Non Xuân Thái	0,08	Xuân Thái
10	Mở rộng trường THCS	0,10	Cán Khê
11	Xây dựng trường mầm non	0,20	Xuân Khang
<b>VII</b>	<b>Dự án thu gom xử lý chất thải</b>	<b>0,49</b>	
1	Mở rộng bãi tập kết rác thị trấn	0,49	TT Bến Sung
<b>VIII</b>	<b>Sinh hoạt cộng đồng</b>	<b>0,79</b>	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cây Nghĩa	0,20	Xuân Thái
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Ao Ràng	0,15	Xuân Thái
3	Mở rộng nhà văn hóa thôn Khả La	0,10	Thanh Tân
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Sinh	0,10	Xuân Khang
5	Xây dựng nhà văn hoá thôn 1	0,10	Phúc Đường
6	Nhà văn hoá thôn Làng Lũng	0,14	Xuân Thái
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn 12	0,16	Cán Khê
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Vĩnh Long 1	0,02	TT Bến Sung
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn Vĩnh Long 2	0,12	TT Bến Sung
<b>IX</b>	<b>Dự án năng lượng</b>	<b>0,07</b>	
1	Xây trạm hạ áp điện thôn Trạch Khang	0,01	Xuân Khang
2	Nhà trực vận hành điện	0,06	Thanh Tân
<b>X</b>	<b>Công trình thể thao</b>	<b>0,68</b>	
1	Mở rộng sân vận động xã	0,10	Phúc Đường
2	Sân vận động xã	0,50	Xuân Phúc
3	Sân thể thao thôn Hợp Tiến	0,08	Mậu lâm
<b>XI</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>	<b>0,14</b>	
1	Xây mương tưới tiêu thôn 1	0,14	Xuân Phúc
<b>XII</b>	<b>Dự án chợ</b>	<b>0,95</b>	
1	Mở rộng chợ Bến Sung	0,45	TT Bến Sung
2	Xây dựng chợ Thanh Kỳ	0,50	Thanh Kỳ
3	Mở rộng chợ Cán Khê	0,09	Cán Khê
<b>XIII</b>	<b>Dự án bưu chính viễn thông</b>	<b>0,05</b>	
1	Xây mới bưu điện văn hóa xã	0,05	Mậu lâm
<b>B</b>	<b>Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất</b>		
<b>I</b>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>	<b>32,23</b>	

STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện Kế hoạch năm 2018 (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Dự án sản xuất bao bì	0,43	Hải Long
2	Nhà máy chế biến nông lâm sản Như Thanh	0,42	Phượng Nghi
3	Trạm trộn bê tông thương phẩm	0,40	Hải Long
4	Dự án chăn nuôi bò tập trung và sản xuất sữa công nghiệp	28,13	Thanh Tân
5	Nhà máy sản xuất, chế biến gỗ	0,45	Phú Nhuận
6	Cơ sở sản xuất chế biến lâm sản Nguyễn Ngọc Mai	0,49	Cán Khê
7	Xây dựng trụ sở kinh doanh, dịch vụ hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp xã Yên Lạc tại thôn Đồng Trung	0,27	Yên Lạc
		0,06	Yên Lạc
8	Xây dựng trụ sở Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và xưởng sản xuất mạ khay tại xã Cán Khê	1,00	Cán Khê
9	Dự án trụ sở hợp tác xã nông nghiệp	0,58	Xuân Du
<b>III</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>146,15</b>	
1	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En tại huyện Như Thanh	61,24	Hải Long
2	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi, giải trí cao cấp Bến En tại huyện Như Thanh	63,51	Hải Vân
3	Dự án khu du lịch sinh thái hồ Eo Gắm	20,00	Hải Long
4	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	0,09	Mậu Lâm
5	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	0,20	Phượng Nghi
6	Xây dựng cửa hàng xăng dầu và dịch vụ thương mại	0,97	Xuân Du
10	Xây dựng cửa hàng xăng dầu	0,14	Yên Thọ
<b>IV</b>	<b>Dự án khai thác khoáng sản</b>	<b>130,51</b>	
1	Khai thác khoáng sản (mỏ đất san lấp mặt bằng)	4,00	TT Bến Sung
2	Xây dựng công trình khai thác và tuyển quặng cromit khu A xã Mậu Lâm	126,51	Mậu Lâm
3	Kho chứa vật liệu nổ	0,08	Xuân Phúc
<b>V</b>	<b>Trang trại chăn nuôi, nông nghiệp khác</b>	<b>560,50</b>	
1	Dự án trồng rừng gỗ lớn phục vụ sản xuất vật liệu gỗ và nội thất xuất khẩu tại xã Xuân Thái	522,00	Xuân Thái
2	Trang trại trồng cây ăn quả kết hợp nuôi gà Đông Tảo	3,50	Xuân Du
3	Trang trại chăn nuôi lợn ngoại tập trung	35,00	Xuân Khang